TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 270/2024/HNST.
Ngày: 19/9/2024.
V/v tranh chấp:“ Ly hôn và nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Việt Chương**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Tống Văn Tư**.

2. Bà **Âu Thị Ngọc Hoa**.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Nguyễn Đức Tín** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Hôm nay, ngày 19/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 314/2024/TLST-HNGĐ, ngày 04/6/2024 về việc “ Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/8/2024, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn*: Anh **Lê Văn U**, sinh năm: 1976. Nơi cư trú: ấp X, xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. (có mặt).

2- *Bị đơn*: Chị **Trương Thị R**, sinh năm: 1973. Nơi cư trú: ấp X, xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/5/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Lê Văn U trình bày:

Anh Lê Văn U với chị Trương Thị R kết hôn với nhau vào năm 1993 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang vào ngày 17/8/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2020 thì chị R bỏ về nhà đi và không cho anh biết lý do gì, chị R cũng không có trách nhiệm với gia đình và anh đã nhiều lần đến rước chị R về nhưng chị không về và vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay.

Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 03 con chung là cháu Lê Hoàng S, sinh ngày 29/11/1995, cháu Lê Thị Thanh Th, sinh ngày 24/11/1998 và cháu Lê Thị Thúy S, sinh ngày 04/02/2009, hiện tại cháu Sang sống với chị R, riêng hai cháu Sơn và Thúy đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Tài sản chung; nợ chung: Không có.

Nay anh U khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với chị Trương Thị R.

- Về con chung: Anh đồng ý giao con chung là cháu Lê Thị Thúy S, sinh ngày 04/02/2009 cho chị R nuôi đưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Đối với hai cháu Sơn và Thúy đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung; nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình giải quyết vụ án chị Trương Thị R vắng mặt nhưng chị đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng chị vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu tranh luận của đương sự Hội đồng xét xử có nhận định:

[1]- Về thủ tục tố tụng:

1.1- Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn U yêu cầu ly hôn với chị Trương Thị R nên xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào địa chỉ sinh sống của chị Trương Thị R ở ấp X, xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ tranh chấp được xác định là " Ly hôn và nuôi con " theo quy định tại Điều 56 và Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

1.2- Chị Trương Thị R đã được tòa án tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng chị vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị R.

[2]- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn U với chị Trương Thị R kết hôn với nhau vào năm 1993 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang vào ngày 17/8/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2020 thì chị R bỏ về nhà đi và không cho anh biết lý do gì, chị R cũng không có trách nhiệm với gia đình và anh đã nhiều lần đến rước chị R về nhưng chị không về và vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay anh U xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ và cương quyết ly hôn với chị R. Điều đó cho thấy trình trạng hôn nhân giữa anh U với chị R đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa anh U với chị R đã sống ly thân nhau từ tháng 7/2020 đến nay nhưng vợ chồng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn, đoàn tụ nên anh U yêu cầu ly hôn với chị R là có căn cứ. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh U ly hôn với chị R.

[3]- Về con chung: Anh U đồng ý giao con chung là cháu Lê Thị Thúy S, sinh ngày 04/02/2009 cho chị R nuôi đưỡng. Xét thấy hiện nay cháu Sang sống với chị R có cuộc sống ổn định, chị R nuôi dưỡng cháu tốt, hơn nữa cháu Sang còn nhỏ

nên phải cần sự chăm sóc của mẹ tốt hơn. Căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh U.

[4]- Về cấp dưỡng: nếu chị R có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[5]- Tài sản chung, nợ chung: Anh Lê Văn U xác định không có, nếu chị R có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

[5]- Về án phí : Anh Lê Văn U phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự ;
- Điều 51, Điều 56 và Điều 81 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn U được ly hôn với chị Trương Thị R.

2- Về con chung: Tiếp tục giao con chung là cháu Lê Thị Thúy S, sinh ngày 04/02/2009 cho chị Trương Thị R nuôi dưỡng. Anh Lê Văn U không phải cấp dưỡng nuôi con do chị R chưa có yêu cầu.

Nếu anh U lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị R có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh U.

3- Tài sản chung; nợ chung: không có.

4- Án phí: Anh Lê Văn U phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 0015440 ngày 04/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, nên thi hành xong phần án phí.

5- Anh Lê Văn U được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Trương Thị R được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè ;
- Ủy ban nhân dân xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Việt Chương